

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 07 tháng 01 năm 2019

TT	Họ và tên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
1	Nguyễn Hải An	TP	9D1	Sử (8C5, 8C6) + Văn (9D1, 9D3)	17,5
2	Dương Thị Việt Bắc		7B2	CNg (6A9) + Anh (7B2, 7B4, 7B7, 7B8)	18,5
3	Lê Thị Bích			CNg (6A1, 6A3) + Nhạc (7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6) + Pháp (6A7, 6A8, 7B4, 7B5)	18
4	Nguyễn Thị Hải Chiến	Nghỉ TS			
5	Phạm Văn Chuyển			TD (6A7, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8)	18
6	Bùi Thị Dịu		7B7	CNg (6A8) + Toán (7B2, 7B5, 7B7)	18,5
7	Vũ Thị Duyên	TP	9D5	Sinh (9D5) + TD (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6)	19,5
8	Trần Minh Đông			Toán (8C1, 8C2) + Tin (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5)	18
9	Hoàng Thị Giang		6A7	Sinh (6A6, 6A7, 6A8, 6A9) + Hoá (9D1, 9D5, 9D6)	18,5
10	Vũ Hương Giang	TPT		Nhạc (8C5, 8C6)	19
11	Vũ Hằng Hải	TTHTCĐ		Toán (7B6) + Tin (9D6)	19
12	Nguyễn Thị Hạnh		9D2	Toán (9D2, 9D5) + Tin (7B1, 7B2, 7B3)	18,5
13	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	TP	8C2	Nhạc (8C1, 8C2) + Anh (8C2, 9D1, 9D2, 9D3)	18,5
14	Phạm Thị Hằng		7B4	Toán (7B1, 7B3, 7B4) + Tin (7B6)	18,5
15	Phạm Thị Thu Hằng		8C4	CD (8C3, 8C4) + Sử (9D3, 9D6) + Văn (8C3, 8C4)	18,5
16	Nguyễn Thị Hiền			Hoà (6A5, 6A6, 6A8, 6A9, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8) + Nhạc (6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 6A8, 6A9)	18
17	Nguyễn Thu Hiền		7B1	Địa (6A6, 6A7, 6A8, 6A9, 7B1, 7B2, 7B6, 7B7, 7B8)	18,5
18	Từ Thị Hiền	TT	6A2	Sử (6A1, 6A2, 6A3) + Văn (6A1, 6A2)	18,5
19	Ngô Thị Thu Huyền	UVBCHCĐ, TKHĐ PT LĐ		Hoà (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A7, 8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6) + Nhạc (8C3, 8C4)	19
20	Đào Thị Hoa	PCTCĐ+TTND		Sinh (7B1, 7B2, 7B3, 7B7, 7B8, 9D1, 9D2, 9D3)	19
21	Nguyễn Thị Hoa		7B5	Địa (7B3, 7B4, 7B5) + Văn (7B1, 7B5)	18,5
22	Nguyễn Kim Hoài			Anh (7B1, 7B3, 7B5, 7B6, 8C1, 8C4)	18
23	Nguyễn Thu Hòa	TT	6A1	Toán (6A1, 6A2) + Tin (6A1, 6A2)	19,5
24	Trần Thị Mai Hồng			CD (6A4, 6A5, 6A6, 6A9, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8) + Văn (6A4)	16

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 07 tháng 01 năm 2019

TT	Họ và tên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
25	Vũ Thị Hồng		7B8	Sử (7B1, 7B7, 7B8) + Văn (7B7, 7B8)	18,5
26	Trần Thị Hợi		7B6	Sử (7B4, 7B5, 7B6) + Văn (7B2, 7B6)	18,5
27	Hà Thị Thanh Mai			Sử (6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 6A8, 6A9) + Văn (6A6, 6A7, 6A9)	18
28	Đồng Thị Ngân	TT		Anh (8C3, 8C5, 8C6, 9D4, 9D5, 9D6)	18
29	Vũ Thị Bích Ngọc	UVBCHCĐ	6A5	Anh (6A1, 6A2, 6A3, 6A5, 6A9)	20,5
30	Kiều Bích Nguyệt		7B3	CD (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6) + Văn (7B3, 7B4)	18,5
31	Lê Thị Ninh		6A8	CD (6A7, 6A8) + Văn (6A3, 6A5, 6A8)	18,5
32	Nguyễn Thu Phong		6A3	Lý (9D1, 9D2, 9D3, 9D5, 9D6) + Toán (6A3)	18,5
33	Hoàng Kim Phương			Sử (9D1, 9D2, 9D4, 9D5) + Văn (9D4, 9D5)	18
34	Nguyễn Thanh Phương	TP	8C6	Toán (8C5, 8C6, 9D1) + CNg (8C6)	18,5
35	Vũ Thu Phương			Địa (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6)	18
36	Nguyễn Bích Phượng			CNg (7B1, 7B2, 7B3) + Hoá (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6)	19
37	Dương Văn Tâm			CNg (7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8) + Sinh (7B5, 7B6) + TD (6A8, 6A9)	18
38	Phạm Thị Tuyết Thanh	TP	8C3	Lý (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6) + Toán (8C3, 8C4)	19,5
39	Đặng Văn Thành			CNg (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5) + TD (6A4, 6A5, 6A6) + Toán (6A6, 6A8)	19
40	Phạm Thị Thanh Thảo		6A6	CNg (6A6) + Anh (6A4, 6A6, 6A7, 6A8)	18,5
41	Trần Thị Phương Thảo	PHT		Toán (7B8)	19
42	Đỗ Thị Hồng Thu	Nghi TS			
43	Nguyễn Thị Lệ Thu		6A4	CNg (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6) + Toán (6A4, 6A5)	18,5
44	Bùi Thị Thủy	CTCĐ	8C5	CD (6A1, 6A2, 6A3) + Văn (8C5, 8C6)	18,5
45	Nguyễn Hoàng Thủy	TT		Sinh (8C4, 8C6, 9D4, 9D6) + Hoá (9D2, 9D3, 9D4) + Nhạc (8C3, 8C4)	19
46	Nguyễn Thị Thúy			Nhạc (6A1, 6A2, 6A3, 7B7, 7B8, 9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6) + Pháp (8C1, 8C2, 9D5, 9D6)	19
47	Trần Thị Thu Thương		8C1	Sinh (6A1, 6A2, 6A3, 8C1, 8C2, 8C3, 8C5)	18,5
48	Trần Thu Thương		9D3	Toán (9D3, 9D6) + Tin (6A3, 6A7, 6A8)	18,5
49	Nguyễn Thị Mai Trang			Lý (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 6A8, 6A9, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8)	17

Trường THCS Mạo Khê II
Năm học 2018 - 2019
Học kỳ II

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 07 tháng 01 năm 2019

TT	Họ và tên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
50	Trần Thị Thu Trang			CNg (6A1, 6A2, 6A4, 6A5, 6A7) + Địa (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5) + Sinh (6A4, 6A5)	17
51	Vũ Huyền Trang			CD (8C1, 8C2, 8C5, 8C6) + Sử (7B2, 7B3) + Văn (8C1, 8C2)	17
52	Nguyễn Thị Tươi	PT CNTT		Tin (7B4, 7B5, 8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6)	19
53	Nguyễn Thị Mai Út		9D6	Sử (8C1, 8C2, 8C3, 8C4) + Văn (9D2, 9D6)	18,5
54	Nguyễn Thị Vân		9D4	Lý (9D4) + Toán (9D4) + Tin (6A4, 6A5, 6A9, 6A6)	18,5
55	Trương Thị Yến			TD (6A1, 6A2, 6A3, 8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6)	18
56	Vũ Thị Hải Yến	TT	6A9	Toán (6A7, 6A9) + Tin (7B7, 7B8)	19,5
57	Hoàng Thị Hồng Hà	PHT		Dạy thay tổ Văn	19
58	Trần Thị Thắm	HT		Hướng nghiệp khối 9	19